Ngày soạn: Ngày dạy:

**BÀI 42: QUẦN THỂ SINH VẬT**

Thời gian thực hiện: 02 tiết

**I. MỤC TIÊU:  
1. Kiến thức:**

- Phát biểu được khái niệm quần thể sinh vật

- Nêu được các đặc trưng cơ bản của quần thể sinh vật và lấy được ví dụ minh họa.

- Nêu được một số biện pháp bảo vệ quần thể

**2. Năng lực:**

**2.1. Năng lực chung:**

***- Năng lực tự chủ và tự học:*** tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về quần thể: khái niệm, các đặc trưng của quần thể.

***- Năng lực giao tiếp và hợp tác:*** thảo luận nhóm để tìm ra các đặc trưng của quần thể

***- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:***

+ GQVĐ trong thực hiện quan sát và nhận biết quần thể trong tự nhiên.

+ Đề xuất các biện pháp bảo vệ quần thể sinh vật

**2.2. Năng lực khoa học tự nhiên:**

*- Năng lực nhận biết KHTN:* Nhận biết, kể tên các dấu hiệu của quần thể sinh vật.

*- Năng lực tìm hiểu tự nhiên:* Nêu được các đặc trưng cơ bản của quần thể và ý nghĩa của các đặc trưng

*- Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:* trình bày được cách bảo vệ quần thể sinh vật trong tự nhiên

**3. Phẩm chất:** Thông qua thực hiện bài học sẽ tạo điều kiện để HS:

* Chăm học, chịu khó tìm tòi tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân nhằm tìm hiểu về quần thể.
* Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, chủ động nhận và thực hiện nhiệm vụ thí nghiệm, thảo luận về quần thể sinh vật.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

1. **Giáo viên:**

* Hình ảnh các quần thể trong tự nhiên.
* Tranh ảnh, poster tuyên truyền bảo vệ quần thể sinh vật
* Sơ đồ tư duy “Quần thể sinh vật”
* Đáp án Phiếu học tập 1: CÁC ĐẶC TRƯNG CƠ BẢN CỦA QUẦN THỂ

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***STT*** | ***Đặc trưng*** | ***Đặc điểm*** |
| **1** | **Kích thước quần thể** | Là số lượng các cá thể phân bố trong khoảng không gian của quần thể |
| **2** | **Mật độ cá thể trong quần thể** | Số lượng cá thể trên một đơn vị diện tích hay thể tích của quần thể. |
| **3** | **Tỷ lệ giới tính** | Là tỷ lệ giữa số lượng cá thể đực và cá thể cái trong quần thể  Là đặc trưng quan trọng đảm bảo hiệu quả sinh sản của quần thể |
| **4** | **Nhóm tuổi** | 3 nhóm tuổi: nhóm tuổi trước sinh sản, nhóm tuổi sinh sản, nhóm tuổi sau sinh sản  3 dạng tháp tuổi: tháp phát triển, tháp ổn định, tháp suy thoái. |
| **5** | **Phân bố cá thể trong quần thể** | 3 kiểu phân bố: đều, ngẫu nhiên, theo nhóm |

* Đáp án Phiếu học tập số 2: LUYỆN TẬP: QUẦN THÊ SINH VẬT

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Ví dụ** | **Quần thể**  **sinh vật** | **Không phải**  **quần thể sinh vật** |
| 1. Tập hợp các cá thể rắn hổ mang, cú mèo và lợn rừng sống trong một rừng mưa nhiệt đới. |  | X |
| 2. Rừng cây thông nhựa phân bố ở vùng núi Đông Bắc Việt Nam. | X |  |
| 3. Tập hợp các cá thể cá chép, cá mè, cá rô phi sống chung trong một ao. |  | X |
| 4. Các cá thể rắn hổ mang sống ở 3 hòn đảo cách xa nhau. |  | X |
| 5. Các cá thể chuột đồng sống trên một đồng lúa. Các cá thể chuột đực và cái có khả năng giao phối với nhau sinh ra chuột con. Số lượng chuột phụ thuộc nhiều vào lượng thức ăn có trên cánh đồng. | X |  |

1. **Học sinh:**

* Đọc nghiên cứu và tìm hiểu trước bài ở nhà.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1: Khởi động**

**a) Mục tiêu:**

- Giúp học sinh nhớ lại: Trong thế giới sống, quần thể sinh vật là cấp độ tổ chức thấp nhất trong các cấp độ trên cơ thể

**b) Nội dung:**

- Học sinh thực hiện nhiệm vụ cá nhân:

*H1. Kể tên các cấp độ tổ chức sống trên cơ thể. Lấy ví dụ?*

**c)****Sản phẩm:**

- Câu trả lời của học sinh:

+ quần thể, quần xã, hệ sinh thái, sinh quyển

+ VD: cá thể chuột đồng => đàn chuột đồng => đàn chuột đồng + lúa + cỏ... trên ruộng lúa => ruộng lúa có đàn chuột đồng + lúa + cỏ...và đất, nước, không khí...=> sinh quyển

**d)****Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung** |
| ***\*Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  - Chiếu hình ảnh các cấp độ tổ chức trên cơ thể và yêu cầu học sinh thực hiện cá nhân trả lời câu hỏi H1.  ***\*Thực hiện nhiệm vụ học tập***  - HS hoạt động cá nhân theo yêu cầu của GV, trả lời câu hỏi.  *-* GV theo dõi và bổ sung khi cần.  ***\*Báo cáo kết quả và thảo luận***  - GV gọi ngẫu nhiên học sinh trình bày đáp án.  ***\*Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  *- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá*  *- Giáo viên nhận xét, đánh giá:*  ->Giáo viên nêu vấn đề cần tìm hiểu trong bài học: Quần thể sinh vật là gì? Quần thể có những đặc trưng cơ bản nào? |  |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**a) Mục tiêu:**

- Phát biểu được khái niệm quần thể sinh vật

- Nêu được các đặc trưng cơ bản của quần thể sinh vật và lấy được ví dụ minh họa.

- Nêu được một số biện pháp bảo vệ quần thể

**b) Nội dung:**

- Học sinh làm việc cá nhân nghiên cứu thông tin trong SGK và trả lời các câu hỏi sau:

H2. Quần thể sinh vật là gì?

H3. Quan sát hình ảnh, cho biết trên đồng cỏ châu Phi có những quần thể sinh vật nào?

H4. Lấy ví dụ về một quần thể sinh vật trong tự nhiên và một quần thể vật nuôi hoặc cây trồng?

H5. Một chậu cá chép vàng, một lồng gà ngoài chợ có phải quần thể sinh vật không? Vì sao?

- HS quan sát hình 42.2 trang 175 trả lời câu hỏi:

H6. So sánh và rút ra nhận xét về tương quan giữa kích thước cơ thể và kích thước quần thể voi, hươu, thỏ, chuột?

- HS thực hiện tính mật độ quần thể.

- HS đọc SGK, trả lời câu hỏi

H7. Tỷ lệ giới tính thay đổi phụ thuộc những yếu tố nào?

H8. Hãy nhận xét mối tương quan về số lượng cá thể của nhóm tuổi trước sinh san và nhóm tuổi sinh sản trong mỗi kiểu tháp tuổi?

- HS xác định kiểu phân bố cá thể của 1 số quần thể trong tự nhiên:

1. Mỗi cá thể chim cánh cụt Hoàng đế ở Nam Cực có một khu phân bố nhất định nhằm giảm sự cạnh tranh giữa các cá thể trong quần thể.
2. Các loài cây gỗ sống trong rừng mưa nhiệt đới có điều kiện thuận lợi về khí hậu và đất đai.
3. Giun đất sống tập trung ở nơi có độ ẩm cao.

- HS nghiên cứu SGK phần III trả lời câu hỏi:

H9. Tại sao bảo vệ môi trường sống của quần thể chính là bảo vệ quần thể? Cho ví dụ về việc bảo vệ môi trường sống của quần thể?

H10. Em hãy đề xuất biện pháp bảo vệ các quần thể có nguy cơ tuyệt chủng?

**c)****Sản phẩm:**

- HS qua hoạt động cá nhân nêu được khái niệm quần thể sinh vật, các đặc trưng cơ bản của quần thể và các biện pháp bảo vệ quần thể

**d)****Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 2.1: *Khái niệm quần thể sinh vật*** | |
| ***\*Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  - GV giao nhiệm vụ học tập, tìm hiểu thông tin về khái niệm quần thể trong SGK trả lời câu hỏi H2,H3, H4, H5.  ***\*Thực hiện nhiệm vụ học tập***  - HS độc lập suy nghĩ, trả lời câu hỏi.  ***\*Báo cáo kết quả và thảo luận***  - GV gọi ngẫu nhiên một HS trình bày, các HS khác bổ sung (nếu có).  ***\*Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.  - Giáo viên nhận xét, đánh giá.  - GV nhận xét và chốt nội dung khái niệm quần thể sinh vật | **I. Khái niệm quần thể sinh vật**  - Quần thể sinh vật là tập hợp các cá thể cùng loài, sinh sống trong một khoảng không gian xác định, ở một thời điểm nhất định và có khả năng sinh sản để tạo những thế hệ mới.  - Ví dụ: đàn chuột đồng… |
| **Hoạt động 2.2: *Các đặc trưng cơ bản của quần thể*** | |
| ***\*Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  - GV giao nhiệm vụ cho HS yêu cầu HS nghiên cứu SGK hoàn thành PHT số 1.  a. Kích thước quần thể  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi H6  b. Mật độ cá thể trong quần thể  - GV yêu cầu HS tính toán mật độ cá thể của các quần thể trong bảng 42.1.  c. Tỷ lệ giới tính  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi H7.  d. Nhóm tuổi  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi H8.  e. Phân bố cá thể trong quần thể  - GV yêu cầu HS xác định kiểu phân bố cá thể của 1 số quần thể trong tự nhiên.  ***\*Thực hiện nhiệm vụ học tập***  - HS thực hiện các nhiệm vụ học tập để tìm hiểu các đặc trưng cơ bản của quần thể  ***\*Báo cáo kết quả và thảo luận***  - GV gọi ngẫu nhiên một HS trình bày, các HS khác bổ sung (nếu có).  ***\*Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.  - Giáo viên nhận xét, đánh giá.  - GV nhận xét và chốt nội dung các đặc trưng cơ bản của quần thể | **II. Các đặc trưng cơ bản của quần thể**  **1. Kích thước quần thể**  - Kích thước quần thể là số lượng các cá thể phân bố trong khoảng không gian của quần thể  - Đối với quần thể vi sinh vật, kích thước quần thể được xác định bằng sinh khối (miligam, gam…) trong quần thể  **2. Mật độ cá thể trong quần thể**  - Số lượng cá thể trên một đơn vị diện tích hay thể tích của quần thể.  - Ví dụ:  12 con sâu rau/1m2 vườn rau  78g tảo xoắn/lít nước ao  **3. Tỷ lệ giới tính**  - Là tỷ lệ giữa số lượng cá thể đực và cá thể cái trong quần thể  - Là đặc trưng quan trọng đảm bảo hiệu quả sinh sản của quần thể  **4. Nhóm tuổi**  - Quần thể có 3 nhóm tuổi: nhóm tuổi trước sinh sản, nhóm tuổi sinh sản, nhóm tuổi sau sinh sản.  - Cấu trúc nhóm tuổi được thể hiện bằng các kiểu tháp tuổi: tháp phát triển, tháp ổn định, tháp suy thoái.  **5. Phân bố cá thể trong quần thể**  - Mỗi quần thể có các cách phân bố cá thể khác nhau  - 3 kiểu phân bố: đều, ngẫu nhiên, theo nhóm. |
| **Hoạt động 2.3: *Biện pháp bảo vệ quần thể*** | |
| ***\*Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  - GV giao nhiệm vụ cho HS yêu cầu HS nghiên cứu thông tin SGK và trả lời câu hỏi H9 và H10.  ***\*Thực hiện nhiệm vụ học tập***  - HS nghiên cứu SGK, trả lời câu hỏi.  ***\*Báo cáo kết quả và thảo luận***  - GV gọi ngẫu nhiên một HS trình bày, các HS khác bổ sung (nếu có).  ***\*Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.  - Giáo viên nhận xét, đánh giá.  - GV nhận xét và chốt nội dung các biện pháp bảo vệ quần thể | **III. Biện pháp bảo vệ quần thể**  - Bảo vệ môi trường sống của quần thể bằng cách lập các vườn quốc gia, khu bảo tồn, kiểm soát dịch bệnh, khai thác tài nguyên hợp lí… |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

**a) Mục tiêu:**

**-** Hệ thống được một số kiến thức đã học.

**b) Nội dung:**

- HS thực hiện cá nhân Xây dựng sơ đồ tư duy “Quần thể sinh vật”

- HS thực hiện PHT số 2 củng cố nhận biết quần thể sinh vật.

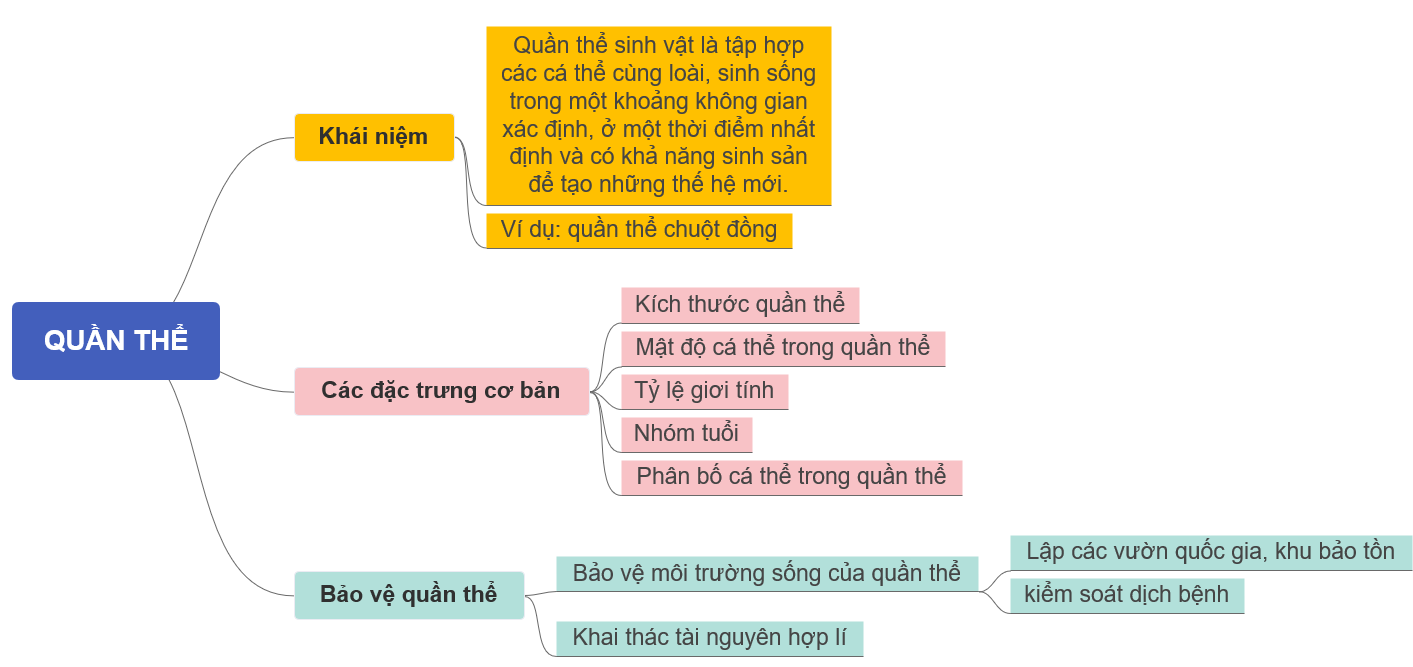
**c)****Sản phẩm:**

- HS trình bày sơ đồ tư duy

- HS thực hiện PHT số 2

**d)****Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung** |
| ***\*Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  GV yêu cầu HS tóm tắt nội dung bài học dưới dạng sơ đồ tư duy vào vở ghi.  ***\*Thực hiện nhiệm vụ học tập***  HS thực hiện theo yêu cầu của giáo viên.  ***\*Báo cáo kết quả và thảo luận***  GV gọi ngẫu nhiên 3 HS lần lượt trình bày ý kiến cá nhân.  ***\*Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  GV nhấn mạnh nội dung bài học bằng sơ đồ tư duy trên bảng. |  |

****

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu:**

- Phát triển năng lực tự học và năng lực tìm hiểu đời sống

**b) Nội dung:**

- Thiết kế poster tuyên truyền bảo vệ quần thể động vật hoang dã

**c)****Sản phẩm:**

- poster tuyên truyền bảo vệ quần thể động vật hoang dã

**d)****Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung** |
| ***\*Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  - Yêu cầu mỗi nhóm HS hãy Thiết kế poster tuyên truyền bảo vệ quần thể động vật hoang dã  ***\*Thực hiện nhiệm vụ học tập***  - Các nhóm HS thực hiện theo nhóm làm ra sản phẩm.  ***\*Báo cáo kết quả và thảo luận***  - Sản phẩm của các nhóm  ***\*Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  Giao cho học sinh thực hiện ngoài giờ học trên lớp và nộp sản phẩm vào tiết sau. |  |

* *Hướng dẫn về nhà*
* *Học bài cũ*
* *Làm bài tập ở SBT*
* *Xem trước bài*

**PHIẾU HỌC TẬP 1**

**CÁC ĐẶC TRƯNG CƠ BẢN CỦA QUẦN THỂ**

Họ và tên: ………………………………………………………………

Lớp: ……………………………. Nhóm: ……

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***STT*** | ***Đặc trưng*** | ***Đặc điểm*** |
| **1** | **………………………...**  **…………………………** | Là số lượng các cá thể phân bố trong khoảng không gian của quần thể |
| **2** | **Mật độ cá thể trong quần thể** | Là ………………………………………  …………………………………………. |
| **3** | **Tỷ lệ giới tính** | Là ………………………………………  ………………………………………….  Là đặc trưng quan trọng đảm bảo hiệu quả sinh sản của quần thể |
| **4** | **Nhóm tuổi** | 3 nhóm tuổi: nhóm tuổi trước sinh sản, nhóm tuổi sinh sản, nhóm tuổi …………  ………………………………………….  …….dạng tháp tuổi: tháp phát triển, …… ………….., tháp suy thoái. |
| **5** | **………………………...**  **…………………………** | 3 kiểu phân bố: đều, ngẫu nhiên, theo nhóm |

**PHIẾU HỌC TẬP 2**

**LUYỆN TẬP: QUẦN THỂ SINH VẬT**

Họ và tên: ………………………………………………………………

Lớp: ……………………………. Nhóm: ……

***Nghiên cứu thông tin và đánh dấu X vào ô trống trong bảng sau***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Ví dụ** | **Quần thể**  **sinh vật** | **Không phải**  **quần thể sinh vật** |
| 1. Tập hợp các cá thể rắn hổ mang, cú mèo và lợn rừng sống trong một rừng mưa nhiệt đới. |  |  |
| 2. Rừng cây thông nhựa phân bố ở vùng núi Đông Bắc Việt Nam. |  |  |
| 3. Tập hợp các cá thể cá chép, cá mè, cá rô phi sống chung trong một ao. |  |  |
| 4. Các cá thể rắn hổ mang sống ở 3 hòn đảo cách xa nhau. |  |  |
| 5. Các cá thể chuột đồng sống trên một đồng lúa. Các cá thể chuột đực và cái có khả năng giao phối với nhau sinh ra chuột con. Số lượng chuột phụ thuộc nhiều vào lượng thức ăn có trên cánh đồng. |  |  |

Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com

https://www.vnteach.com

Một sản phẩm của cộng đồng facebook Thư Viện VnTeach.Com

https://www.facebook.com/groups/vnteach/

https://www.facebook.com/groups/thuvienvnteach/